TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HSST
Ngày: 08/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Võ Trường Tam .

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc***: Ông Nguyễn Tùng Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2024/TLST - HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Vũ Tường Q**, sinh ngày: 12/12/1995.

Nơi thường trú: 157 T, Khu phố E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: thợ hàn; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Phan Thị Thu H1; Bản thân có vợ tên Bùi Thị Mỹ H2, có 01 con, sinh năm 2020; Tiền án - tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 31/2017/HS-PT ngày 15/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội *"Gây rối trật tự công cộng và Cố ý làm hư hỏng tài sản"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/9/2017, đã xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: **Nguyễn Văn P,** sinh ngày: 30/3/1995.

Tên gọi khác: N.

Nơi thường trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: thợ hàn; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P1 và bà Phạm Thị T; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án - tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 61/2023/HS-ST ngày 15/12/2023 của

Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, chưa chấp hành; Ngày 20/8/2023, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Long An khởi tố về hành vi *"Cướp tài sản"*. Bị cáo hiện bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án *"Cướp tài sản"* tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Long An từ ngày 20/8/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Thạch Thị So P2, sinh năm: 1991 (có mặt).

Cư trú: Ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

2/ Văn Thị T1, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

3/ Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Dương Thị Thúy H3, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Cư trú: Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

2/ Phan Thị Thu H1, sinh năm: 1964 (có mặt).

Cư trú: Khu phố E, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

3/ Phạm Thị T, sinh năm: 1977 (có mặt).

Cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người làm chứng:

1/ Phan Thanh T2, sinh năm: 2004 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2/ Trần Duy P3, sinh năm: 2006 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có nghề nghiệp và không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Vũ Tường Q và Nguyễn Văn P đã thống nhất cùng nhau chuẩn bị 01 (một) con dao bấm bằng kim loại, màu đen, mũi nhọn với mục đích đi vào các con đường vắng tìm những người phụ nữ đi một mình rồi dùng dao bấm đã chuẩn bị sẵn đe dọa, khống chế chiếm đoạt tài sản. Từ ngày 07/7/2023 đến ngày 17/7/2023, Q và P đã cùng nhau thực hiện 03 vụ *"Cướp tài sản"* trên địa bàn huyện C, tỉnh Long An, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 07/7/2023, Q và P điện thoại rủ nhau đi cướp tài sản và hẹn gặp nhau ở Bệnh Viện C, tỉnh Long An. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô loại Airblade, màu đen, biển số 62L1-330.73 chở P đến địa bàn huyện C để đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi Q điều khiển xe mô tô chở P đi trên đường Đ thuộc Ấp C, xã L, huyện C thì phát hiện chị Văn Thị T1 một mình điều khiển xe mô tô loại Dream, màu nâu biển số 72H1-7375 lưu thông cùng chiều phía trước nên cả hai nảy sinh ý định chặn xe của chị T1 để chiếm đoạt tài sản. Lúc này, Q điều khiển xe mô tô chạy vượt lên chặn đầu xe của chị T1. Sau đó, P xuống xe lấy con dao bấm, cán bằng kim loại màu đen dài 12.5cm, rộng 03cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 10cm, mũi nhọn đã chuẩn bị sẵn từ trong túi mang trên người ra rồi cầm trên tay đe dọa, khống chế yêu cầu chị T1 "Đưa hết tài sản đây". Lúc này, chị T1 hoảng sợ nên lấy trong túi ra số tiền 2.400.000 đồng đưa cho P, P tiếp tục lục soát trên người của chị T1 nhưng không thấy tài sản gì nên lên xe Q điều khiển tẩu thoát. Sau đó, P chia cho Quân số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền có được cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/7/2023, Q và P điện thoại rủ nhau đi cướp tài sản và hẹn gặp nhau ở Bệnh Viện C, tỉnh Long An. Sau đó, Q điều khiển xe mô tô loại Airblade, màu đen, biển số 62L1-330.73 chở P đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt. Khi đến chân Cầu Thủ B, Q dừng xe lại tháo biển số xe bỏ vào trong cốp, mục đích để không nhận diện qua biển số xe. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi Q điều khiển xe mô tô chở P đi trên đường Đ thuộc Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An thì phát hiện chị Nguyễn Thị Ngọc M điều khiển xe mô tô loại Wave, màu đen, biển số 53Z1-6589 đi một mình chạy cùng chiều phía trước nên cả hai nảy sinh ý định chặn xe của chị M để chiếm đoạt tài sản. Lúc này, Q điều khiển xe mô chạy vượt lên áp sát bên trái xe của chị M để chặn lại. Pháp thấy trong túi áo khoác của chị M có 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen nên dùng tay phải lấy nhưng không được và làm hai xe té ngã. Sau đó, Pháp xuống xe đi về phía chị M lấy con dao bấm, cán bằng kim loại màu đen dài 12.5cm, rộng 03cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 10cm, mũi nhọn đã chuẩn bị sẵn từ trong túi mang trên người ra rồi cầm trên tay đe dọa, Pháp định khống chế chị M lục soát tìm sản thì bất ngờ chị M truy hô "Cướp, cướp". Lúc này, người dân ở gần đó phát hiện chạy ra nên cả hai điều khiển xe mô tô tẩu thoát nên chưa chiếm đoạt được tài sản gì.

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 20/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen (Tài sản thu hồi được) có giá trị là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Vụ thứ ba: Vào khoảng 17 giờ ngày 17/7/2023, Q dùng điện thoại di động nhắn tin rủ P đi cướp tài sản, P đồng ý và kêu Q đến Cổng bệnh viện huyện C, tỉnh Long An chở P đi. Khi cả hai gặp nhau thì P điều khiển xe mô tô loại AirBlade, màu đen, biển số 62L1-330.73 của Q chở Q từ Bệnh viện huyện C đến địa bàn huyện C để tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, khi P điều khiển xe mô tô chở Q đi trên đường T thuộc Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Long An thì phát hiện chị Thạch Thị So P2 một mình điều khiển xe mô tô biển số 62L1-623.46 lưu thông cùng chiều phía trước nên P và Q bám theo. Khi đến đoạn đường vắng người qua lại thì P điều khiển xe mô tô vượt lên chặn đầu xe chị P2 lại. Lúc này, Q xuống xe lấy 01 (một) con dao bấm, dài khoảng 20cm, cán dao bằng kim loại màu đen, mũi nhọn đã chuẩn bị sẵn ra, rồi chỉ vào người chị P2 đe đọa và nói "Đứng im, đưa tài sản đây". Lúc này, Q lấy 01 (một) điện thoại di động hiệu S A23 trong túi áo khoác chị So P2 rồi tiếp tục lục soát nhưng không thấy tài sản gì. Sau đó, Q phát hiện giỏ xách máng ở chỗ để chân nên lấy rồi cùng P điều khiển xe tẩu thoát. Đi được một đoạn thì cả hai dừng lại cùng kiểm tra giỏ xách thì phát hiện bên trong có 600.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của chị So P2, P lấy số tiền 600.000 đồng, còn giỏ xách và số giấy tờ tùy thân của chị So P2 thì bỏ lại ở lề đường. Sau đó, P chia cho Quân số tiền 300.000 đồng, điện thoại thì P cất giữ. Đến ngày 18/7/2023, P đến tiệm Đ do chị Dương Thị Thúy H3 làm chủ, ở thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An bán điện thoại với giá 1.000.000 đồng và chia cho Q 500.000 đồng. Số tiền có được cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài bị chiếm đoạt số tài sản trên bị hại Thạch Thị So P2 còn khai nhận bị Q và P chiếm đoạt một số vàng nữ trang bỏ trong túi xách gồm:

- 01 (một) chiếc lắc vàng loại 24k, trọng lượng 03 chỉ;
- 01 (một) sợi dây chuyền vàng loại 24k, trọng lượng 02 chỉ;
- 01 (một) sợi dây chuyền vàng loại 18k, trọng lượng 01 chỉ;
- 01 (một) mặt dây chuyền vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ;
- 01 (một) đôi bông tai vàng loại 24k, trọng lượng 01 chỉ;
- 01 (một) đôi bông tai vàng loại 18k, trọng lượng 1,2 chỉ;
- 01 (một) chiếc nhẫn trơn vàng loại 24k, trọng lượng 01 chỉ;
- 01 (một) chiếc nhẫn trơn vàng loại 24k, trọng lượng 01 chỉ;
- 01 (một) chiếc nhẫn trơn vàng loại 18k, trọng lượng 0,5 chỉ;
- 01 (một) chiếc nhẫn trơn vàng loại 18k, trọng lượng 0,5 chỉ;
- 01 (một) chiếc nhẫn kiểu vàng loại 18k, trọng lượng 0,6 chỉ;
- 01 (một) chiếc nhẫn kiểu vàng loại 18k, trọng lượng 0,6 chỉ.

Quá trình điều tra, bị hại Thạch Thị So P2 không cung cấp được các giấy tờ, hóa đơn chứng từ liên quan đến tài sản bị chiếm đoạt để chứng minh nguồn gốc số vàng nữ trang trên. Quá trình điều tra bị cáo Q và P cũng xác định không có chiếm đoạt số tài sản vàng nữ trang trên của bị hại. Do đó chỉ căn cứ vào lời khai của chị So P2 thì không có căn cứ chấp nhận.

Tại Kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐĐGTS ngày 21/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A23, màu xanh, loại 6GB, trị giá 2.000.000 đồng và số vàng nữ trang (tài sản chưa thu hồi được), trị giá 65.922.000 đồng. Tổng giá trị là 67.922.000 đồng *(Sáu mươi bảy triệu chín trăm hai mươi hai ngàn đồng)*.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSCG ngày 19/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố hai bị cáo về tội *"Cướp tài sản"* theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Vũ Tường Q từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn P từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt Bản án số 61/2023/HS-ST, ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Buộc bị cáo P phải chấp hành hai bản án từ 10 năm đến 11 năm tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tang vật: Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe môtô hiệu Honda, loại Airblade, biển số 62L1-330.73; 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 62L1-330.73 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen;

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen của chị Nguyễn Thị Ngọc M Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại, là phù hợp.

Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về dân sự: Buộc hai bị cáo phải bồi thường cho bị hại Văn Thị T1 số tiền 2.400.000 đồng và bồi thường cho bị hại Thạch Thị So P2 số tiền 2.600.000 đồng. Bị hại Nguyễn Thị Ngọc M đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị không xem xét. Đối với số triền 65.922.000 đồng là giá trị số vàng do bị hại Thạch Thị So P2 yêu cầu, nhưng không có chứng cứ chứng minh và hai bị cáo không thừa nhận, nên đề nghị không chấp nhận.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 đồng do bà Phan Thị Thu H1 và Phạm Thị T đã nộp để đảm bảo thi hành án.

Hai bị cáo và bị hại có mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt không có ý kiến tranh luận.

Hai bị cáo nói lời sau cùng đều nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong khoảng thời gian từ ngày 07/7/2023 đến ngày 17/7/2023, Nguyễn Vũ Tường Q và Nguyễn Văn P đã thống nhất cùng nhau chuẩn bị 01 (một) con dao bấm bằng kim loại, màu đen, mũi nhọn mục đích đe dọa, khống chế chiếm đoạt tài sản của các bị hại trên địa bàn huyện C, tỉnh Long An với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 5.150.000 đồng. Cụ thể: Ngày 07/7/2023 chiếm đoạt số tiền 2.400.000 đồng của chị Văn Thị T1; Ngày 09/7/2023 chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen của chị Nguyễn Thị Ngọc M, trị giá 150.000 đồng; Ngày 17/7/2023 chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động hiệu S A23, màu xanh, trị giá 2.000.000 đồng và số tiền 600.000 đồng của chị Thạch Thị So P2.

[3] Với hành vi trên của hai bị cáo đã cấu thành tội *"Cướp tài sản"* tội phạm được quy định tại Điều 168 Bộ luật hình sự. Việc cả hai bị cáo trong ba lần đi cướp có sử dụng vũ khí là con dao bấm bằng kim loại, màu đen, mũi nhọn mục đích đe

dọa, khống chế bị hại cướp tài sản. Do đó hành vi phạm tội của hai bị cáo thuộc trường hợp định khung hình phạt theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là: *"d. Sử dụng vụ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác"*. Ngoài ra việc hai bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội tuy có thống nhất ý chí và cùng nhau thực hiện, nhưng không có sự bàn bạc, phân công, cấu kết chặt chẽ nên không xem xét đến tình tiết định khung hình phạt là phạm tội có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của hai bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Hai bị cáo nhận thức được hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của hai bị cáo cần phải được xử phạt một cách thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của hai bị cáo khi lượng hình:

[5.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: hai bị cáo ba lần thực hiện hành vi *"Cướp tài sản"* là tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: hai bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Xét về vị trí vai trò hai bị cáo trong vụ án là như nhau, thống nhất ý chí, cùng thực hiện hành vi phạm tội, trong ba vụ cướp có vụ Q điều khiển xe chở Pháp, Pháp khống chế bị hại cướp tài sản (vụ 1 và 2) và có vụ P điều khiển xe chở Q, Q khống chế bị hại cướp tài sản (vụ 3), số tiền chiếm đoạt chia gần như đều nhau. Xét về nhân thân cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, cụ thể: bị cáo P, theo Bản án số 61/2023/HS-ST ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, chưa chấp hành và ngày 20/8/2023, bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Long An khởi tố về hành vi *"Cướp tài sản"*. Bị cáo Q, theo Bản án số 31/2017/HS-PT ngày 15/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù về tội *"Gây rối trật tự công cộng và Cố ý làm hư hỏng tài sản"*.

[6] Với những nhận định trên, thì hình phạt dành cho bị cáo Q và P là bằng nhau và xét thấy cần cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có thể giáo

dục, cải tạo trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy hai bị cáo hiện đang bị tạm giam, không có nghề nghiệp và áp dụng hình phạt tù cũng đủ răn đe, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với chị Dương Thị Thúy H3 là chủ tiệm điện thoại di động "Minh Nhựt", khi mua 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A23, màu xanh do bị cáo P bán, nhưng chị H3 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không xem xét trách nhiệm của chị H3 về hành vi *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, là phù hợp.

[8] Về tang vật thu giữ: nên căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự để xử lý như sau:

[8.1] Đối với: 01 (một) xe môtô hiệu Honda, loại Airblade, biển số 62L1-330.73, cùng 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 62L1-330.73 là tài sản của bị cáo Q sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen là tài sản của bị cáo Q sử dụng liên lạc với bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[8.2] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen của chị Nguyễn Thị Ngọc M Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại, là phù hợp.

[8.3] Đối với 01 (một) con dao bấm, dài khoảng 20cm, cán dao bằng kim loại màu đen, mũi nhọn của bị cáo P dùng làm vũ khí, hiện Công an huyện C, thu giữ trong vụ án bị cáo P phạm tội *"Cướp tài sản"*, nên không xem xét. Đối với con dao bấm dài khoảng 20cm, cán dao bằng kim loại màu đen, mũi nhọn của bị cáo Q dùng làm vũ khí trong vụ cướp thứ ba, tại phiên tòa bị cáo Q khai là đã vứt bỏ, hiện không thu hồi được, nên không xem xét. Đối với điện thoại di động của bị cáo P sử dụng để liên lạc với bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo P khai đã hư, vứt bỏ, không thu hồi được, nên không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa bị hại Văn Thị T1 vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện *(bút lục số 114-115)* yêu cầu hai bị cáo bồi thường số tiền 2.400.000 đồng, trước yêu cầu của bị hại T1, hai bị cáo đồng ý, nên ghi nhận. Bị hại Thạch Thị So P2 yêu cầu hai bị cáo bồi thường số tiền 68.522.000 đồng, tuy nhiên hai bị cáo chỉ đồng ý bồi thường số tiền 2.600.000 đồng (600.000 đồng tiền mặt và giá trị điện thoại di động 2.000.000 đồng), nên ghi nhận. Đối với giá trị số vàng chị So P2 cho rằng hai bị cáo chiếm đoạt trị giá 65.922.000 đồng, hai bị cáo không đồng ý bồi thường do hai bị cáo không thừa nhận đã chiếm đoạt, chị So P2 không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Bị hại Nguyễn Thị Ngọc M đã nhận lại

tài sản, tại phiên tòa vắng mặt, nhưng theo hồ sơ thể hiện *(bút lục số 116-117)* không có yêu cầu, nên không xem xét. Trong giai đoạn Tòa án đưa vụ án ra xét xử thì bà Phan Thị Thu H1 là mẹ bị cáo Q và bà Phạm Thị T là mẹ bị cáo P đã tự nguyện mỗi người nộp 2.500.000 đồng, tổng cộng là 5.000.000 đồng để bồi thường cho các bị hại, nên ghi nhận. Tại phiên tòa, bà H1 và bà T không có yêu cầu gì về số tiến đã bồi thường, nên không xem xét.

[10] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Lẽ ra hai bị cáo phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền còn phải bồi thường cho hai bị hại, tổng cộng là 5.000.000 đồng, nhưng bà H1 và bà T đã nộp tiền bồi thường xong, nên hai bị cáo không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ Tường Q và Nguyễn Văn P cùng phạm tội *"Cướp tài sản"*.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Vũ Tường Q 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/9/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Q 45 ngày kể từ ngày tuyên án (08/5/2024) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn P 08 (tám) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt Bản án số 61/2023/HS-ST, ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xử phạt Nguyễn Văn P 02 (hai) năm tù, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Buộc bị cáo Nguyễn Văn P phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo P chấp hành án.

Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Về tang vật: Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe môtô hiệu Honda, loại Airblade, biển số 62L1-330.73; 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 62L1-330.73 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen.

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 31/QĐ-VKSCG, ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Vũ Tường Q và Nguyễn Văn P phải liên đới bồi thường cho bị hại Văn Thị T1 số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) và bồi thường cho bị hại Thạch Thị So P2 số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) do bà Phan Thị Thu H1 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc theo biên lai thu số 0004445, ngày 02/5/2024 và số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) do bà Phạm Thị T nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc theo biên lai thu số 0004444, ngày 02/5/2024 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An;
-VKSND huyện Cần Giuộc;
-CA huyện Cần Giuộc;
-THADS huyện Cần Giuộc;
-Bị cáo; đương sự;
-Lưu hồ sơ;
-Lưu án văn.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cần Giuộc, ngày 08 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 08 tháng 5 năm 2024.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Võ Trường Tam .

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 38/2024/TLHS-ST, ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo: Nguyễn Vũ Tường Quân và Nguyễn Văn Pháp.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1.Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ Tường Quân và Nguyễn Văn Pháp cùng phạm tội *"Cướp tài sản"*.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Đối với bị cáo Nguyễn Vũ Tường Quân: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Pháp: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt Nguyễn Vũ Tường Quân 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tù được tính từ ngày 05/9/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo Quân 45 ngày kể từ ngày tuyên án (08/5/2024) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Xử phạt Nguyễn Văn Pháp 08 (tám) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt Bản án số 61/2023/HS-ST, ngày 15/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An xử phạt Nguyễn Văn Pháp 02 (hai) năm tù, về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Pháp phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo Pháp chấp hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Về tang vật: Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe môtô hiệu Honda, loại Airblade, biển số 62L1-330.73; 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 62L1-330.73 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu đen.

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 31/QĐ-VKSCG, ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Vũ Tường Quân và Nguyễn Văn Pháp phải liên đới bồi thường cho bị hại Văn Thị Tiến số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm ngàn đồng) và bồi thường cho bị hại Thạch Thị So Phi số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) do bà Phan Thị Thu Hà nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc theo biên lai thu số 0004445, ngày 02/5/2024 và số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) do bà Phạm Thị Thắm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc theo biên lai thu số 0004444, ngày 02/5/2024 để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA**

TRẦN VĂN ĐOÀN – VÕ TRƯỜNG TAM NGUYỄN ĐỨC BẢO